

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2021

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Úy, ông Nguyễn Văn Hạnh.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn M, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1987; nơi cư trú cuối cùng: thôn M (xóm V cũ), xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2021, bản tự khai ngày 14/4/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 09/11/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 10 ngày thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc làm ăn không thuận lợi, nên ngày 19/11/2007 chị H đã bỏ đi khỏi địa phương và gia đình tại xóm V (nay là thôn M), xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2018 anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất tích. Ngày 23/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn đã ra quyết định tuyên bố chị Trần Thị Thu H mất tích. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con: Vợ chồng không có con chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.



Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Trần Thị Thu H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú cuối cùng của chị H, nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xét xử vắng mặt chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

\* Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Trần Thị Thu H. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị Trần Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị H.

\* Về nội dung giải quyết:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu D và chị Trần Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống với nhau được 10 ngày thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh D trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, công việc làm ăn không thuận lợi. Đến ngày 19/11/2007 thì chị H bỏ nhà đi, kể từ ngày đó đến nay chị H ở đâu, làm gì anh D cũng như gia đình chị H, chính quyền địa phương không hề hay biết. Ngày 23/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn đã mở phiên họp quyết định tuyên bố chị H mất tích. Nay anh D đề nghị xin ly hôn, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng chị H vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xét xử vắng mặt đối với chị H và chấp nhận cho anh D được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con: Theo anh D trình bày thì vợ chồng không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Theo anh D trình bày thì vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**



Áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hữu D, cho anh D được ly hôn chị Trần Thị Thu H.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu D phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0011013 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, anh D đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã B, huyện N,  
tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**